TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **42**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 13-5-2021
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Bình

Ông Nguyễn Hữu Cương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 282/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Dư Thị Cẩm Nđ, sinh năm 1989. Địa chỉ: kp 1, thị trấn T11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang *(xin xét xử vắng mặt).*

2- Bị đơn: Anh Châu Ngọc Bđ, sinh năm 1990. Địa chỉ: kp 1, thị trấn T11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang *(vắng mặt lần thứ hai).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09-09-2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Dư Thị Cẩm Nđ trình bày và yêu cầu như sau:

Chị Nđ và anh Bđ cưới nhau năm 2012, sau đó anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và anh Bđ có quan hệ với người phụ nữ khác

bên ngoài. Chị đã nhiều lần khuyên ngăn và tha thứ nhưng anh Bđ vẫn không sửa chữa. Khi chị sinh con thứ hai được vài tháng thì phát hiện anh Bđ tiếp tục có người phụ nữ khác, anh hứa sửa chữa nhưng vẫn vậy. Gia đình và chị khuyên ngăn rất nhiều lần nhưng anh Bđ vẫn không thay đổi nên vợ chồng đã ly thân hơn 01 năm nay. Chị anh Bđ có 02 đứa con chung tên Châu Nhã Lq1, sinh ngày 27/5/2013 và Châu Lệ Lq2, sinh ngày 27/5/2018, con do chị nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Vợ chồng không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung.

Nay chị Nđ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bđ; yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con Châu Nhã Lq1 và Châu Lệ Lq2; khi gửi đơn khởi kiện chị có yêu cầu anh Bđ cấp dưỡng nuôi con cùng chị 3.000.000đ/tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị đã xin rút lại yêu cầu này, không yêu cầu anh Bđ cấp dưỡng nuôi con cùng chị; về tài sản và nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Châu Ngọc Bđ không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn thực hiện chưa đúng. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX cho chị Nđ được ly hôn với anh Bđ; giao con chung cho chị Nđ tiếp tục nuôi dưỡng; đình chỉ giải quyết yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Nđ, anh Bđ không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ hiện không tranh chấp nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Bđ đều vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh Bđ vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Bđ. Nguyên đơn chị Nđ có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Nđ.

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị Nđ và anh Bđ chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND phường 6, thành phố Cà

Mau, tỉnh Cà Mau cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 2012 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Chị Nđ và anh Bđ sống chung một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh, chị có nhiều bất đồng trong cuộc sống nhưng không thể khắc phục được. Anh chị đã ly thân hơn 01 năm nay nhưng không khắc phục được mâu thuẫn để vợ chồng tiếp tục chung sống. Khi Tòa án thông báo về yêu cầu ly hôn của chị Nđ thì anh Bđ không có ý kiến hay động tác gì để hàn gắn mà bỏ mặc; khi Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ thì anh Bđ vắng mặt không tham dự. Việc anh Bđ không có ý kiến khi nguyên đơn xin ly hôn, không tham dự phiên hòa giải, phiên tòa vừa vi phạm nghĩa vụ bị đơn vừa đánh mất cơ hội hòa giải đoàn tụ tại Tòa án. Từ đó cho thấy giữa chị Nđ và anh Bđ mục đích hôn nhân đã không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nđ được ly hôn với anh Bđ.

[4] Về con chung, anh chị có 02 đứa con chung tên Châu Nhã Lq1, sinh ngày 27/5/2013 và Châu Lệ Lq2, sinh ngày 27/5/2018 hiện sống chung với chị Nđ. Chị Nđ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con sau khi ly hôn. Thấy rằng thời gian qua hai con chung được chị Nđ nuôi dưỡng, chăm sóc tốt, không xảy ra sơ suất gì; chị Nđ có thu nhập đủ để nuôi con. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 81, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho chị Nđ trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, trước đây chị Nđ khởi kiện yêu cầu anh Bđ cấp dưỡng nuôi hai con cùng chị 3.000.000đ/tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Tuy nhiên, sau khi thụ lý vụ án thì chị Nđ đã có đơn xin rút lại yêu cầu anh Bđ cấp dưỡng nuôi con. Thấy rằng, việc chị Nđ rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Nđ;

[6] Về tài sản chung và nợ chung, hiện chị Nđ và anh Bđ không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[7] Về án phí, nguyên đơn chị Nđ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 56, khoản

1 Điều 81, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Dư Thị Cẩm Nđ và anh Châu Ngọc Bđ.

2. Về con chung: Giao con chưa thành niên tên Châu Nhã Lq1, sinh ngày 27/5/2013 và Châu Lệ Lq2, sinh ngày 27/5/2018 cho chị Nđ trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn (phù hợp với nguyện vọng của cháu Nhã Lq1, hiện nay hai cháu đang sống chung với chị Nđ);

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ giải quyết yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Dư Thị Cẩm Nđ, anh Bđ không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Nđ;

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nđ chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0006043 ngày 13-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, chị Nđ đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND phường 6;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Công